

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 12/11/2021.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Huệ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Quốc Toàn

Bà Trần Ngọc Diệu

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Minh Thơ - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2021, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 181/2021/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2021, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 147/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 08 tháng 10 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 125/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 27 tháng 10 năm 2021, giữa:

Nguyên đơn: Chị Hồ Thị L, sinh năm: 1985;

ĐKTT: ấp A, xã B, huyện H, tỉnh Bến Tre.

Chỗ ở hiện nay: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: Anh Đoàn Văn N, sinh năm: 1984;

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện H, tỉnh Bến Tre.

Tại phiên tòa, Hồ Thị L và Đoàn Văn N vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản khai và đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt của nguyên đơn là chị Hồ Thị L trình bày:

- Về hôn nhân: Hồ Thị L và Đoàn Văn N tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 17/4/2014 tại Ủy ban nhân dân xã Hưng Lễ, huyện Giồng Trôm tỉnh Bến Tre. Sau khi kết hôn chị và Đoàn Văn N chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, Hồ Thị L và Đoàn Văn N không còn chung sống với nhau từ năm 2018 cho đến nay. Do vậy, Hồ Thị L có yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với Đoàn Văn N.

- Về con chung: Hồ Thị L và Đoàn Văn N chung sống có một con chung là Đoàn Hồ Thái B, sinh ngày 28/12/2014, hiện nay do Đoàn Văn N nuôi dưỡng, khi ly hôn chị đồng ý để Đoàn Văn N tiếp tục nuôi dưỡng con chung chị có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng $\frac{1}{2}$ mức lương cơ sở theo quy định của Nhà nước cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Đối với bị đơn là anh Đoàn Văn N sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm đã thông báo hợp lệ các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời mở phiên tòa xét xử vụ án nhưng Đoàn Văn N đều vắng mặt không có lý do và không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của Hồ Thị L.

Đại diện Viện kiểm nhân dân huyện Giồng Trôm phát biểu ý kiến:

Về tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật và chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật và chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: đối với nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ về quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án: căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và Gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hồ Thị L về việc xin ly hôn với anh Đoàn Văn N.

- Về con chung: giao cho anh Nguyễn Văn Nhịn được tiếp tục, trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Đoàn Hồ Thái B, sinh ngày 28/12/2014, ghi nhận Hồ Thị L đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là $\frac{1}{2}$ mức lương tối thiểu theo quy định của Nhà nước cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Hồ Thị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi mức cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp có yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

- Chị Hồ Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn và xem xét về việc nuôi con chung với Đoàn Văn N. Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của Hồ Thị L được xác định vụ án có quan hệ pháp luật: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Anh Đoàn Văn N là bị đơn có nơi cư trú tại ấp Hưng Nghĩa Hai, xã Hưng Lễ,

huyện Giồng Trôm nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Chị Nguyễn Thị Luyến có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt. Xét nội dung yêu cầu của Hồ Thị L là phù hợp với quy định của pháp luật. Đoàn Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Vì vậy, căn cứ theo quy định tại các khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt Hồ Thị L và Đoàn Văn N.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hồ Thị L và anh Đoàn Văn N có đăng ký kết hôn, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 76, ngày 17 tháng 4 năm 2014 tại Ủy ban nhân xã Hưng Lễ, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, nên quan hệ hôn nhân của Hồ Thị L và Đoàn Văn N là hợp pháp, được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ.

Tuy nhiên, theo Hồ Thị L trình bày trong quá trình chung sống, chị và Đoàn Văn N phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chị không còn chung sống với Đoàn Văn N từ năm 2018 cho đến nay.

Với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của Hồ Thị L, Đoàn Văn N không có ý kiến phản đối, để cho Hồ Thị L tự giải quyết.

Xét thấy, giữa Hồ Thị L và Đoàn Văn N đã không còn chung sống với nhau trong thời gian dài, nên không còn tình nghĩa vợ chồng vì không thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

Từ đó có đủ cơ sở khẳng định hôn nhân của Hồ Thị L và Đoàn Văn N lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Hồ Thị L để giải quyết cho Hồ Thị L được ly hôn với Đoàn Văn N.

[2.2] Về con chung:

- Hồ Thị L và Đoàn Văn N chung sống có một con chung tên Đoàn Hồ Thái B, sinh ngày 28/12/2014, hiện tại Đoàn Văn N đang nuôi con, Hồ Thị L có ý kiến khi ly hôn, chị đồng ý để cho Đoàn Văn N tiếp tục nuôi con chung, Đoàn Văn N không có ý kiến phản hồi gì. Do vậy, Hội đồng xét xử xem xét để cho Đoàn Văn N được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là cháu Bảo.

- Về việc cấp dưỡng cho con: Hồ Thị L có ý kiến có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là $\frac{1}{2}$ mức lương cơ sở theo quy định của Nhà nước cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Theo quy định, mức đóng góp phí tổn nuôi dưỡng, giáo dục con tối thiểu không dưới $\frac{1}{2}$ mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định tại thời điểm xét xử. Như vậy, căn cứ theo Nghị định số 38/2019/NĐ-CP ngày 09/5/2019 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang thì mức lương tối thiểu là 1.490.000 đồng (một triệu bốn trăm chín mươi nghìn đồng) nên Hồ Thị L có ý kiến cấp dưỡng nuôi con chung với mức cấp dưỡng hàng tháng là 745.000 đồng (bảy trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) cho đến khi con chung

đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định của pháp luật. Về thời điểm cấp dưỡng từ khi Hội đồng xét xử quyết định cho Hồ Thị L và Đoàn Văn N ly hôn.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Hồ Thị L trình bày chị và Đoàn Văn N không có tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với Đoàn Văn N thì vắng mặt, không có ý kiến. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, nếu sau này Đoàn Văn N có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung thì được quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Từ những nhận định nêu trên, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ đúng quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm đ khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hồ Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000 đồng. Về án phí cấp dưỡng Hồ Thị L là người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con phải chịu 300.000 đồng và còn phải nộp đủ số tiền này.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5, điểm đ khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hồ Thị L. Chị Hồ Thị L được ly hôn với anh Đoàn Văn N.

2. Về con chung: giao cho anh Đoàn Văn N được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Đoàn Hồ Thái B, sinh ngày 28/12/2014, cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Chị Hồ Thị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là Đoàn Hồ Thái B, sinh ngày 28/12/2014, theo định kỳ hàng tháng, mỗi tháng là 745.000 đồng (bảy trăm bốn mươi lăm nghìn) đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng kể từ ngày 12 tháng 11 năm 2021.

Hồ Thị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí:

Chị Hồ Thị L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí Hồ Thị L đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007494 ngày 12 tháng 5 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm.

Chị Hồ Thị L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con và còn phải nộp đủ số tiền này.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Về quyền yêu cầu thi hành án: trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- UBND xã Hưng Lễ, huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Thanh Huệ